

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày 20-6-2018
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (Có mặt).

Cư trú: Ấp H, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều N, sinh năm 1987, cư trú: Ấp H, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 10 năm 2017 - Có mặt).

- Bị đơn:

1. Chị Trần Mỹ T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

2. Anh Phạm Chiến C, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp S, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2017 của anh Nguyễn Văn H cùng các văn bản khác kèm theo và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Kiều N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày, anh H có tham gia hội do chị Trần Mỹ T làm chủ hội. Hội mở vào ngày 15/6/2014 (âm lịch), hội 2.000.000 đồng, gồm 58 chung, mỗi tháng khai 01 lần, anh H tham gia 01 chung, đóng được 17 lần thì anh H không tham gia nữa. Từ khi xin ra khỏi tham gia hội thì chị T không trả số tiền hội mà anh H đã đóng. Trong quá trình tham gia hội thì anh C là chồng chị T có nhiều lần đi gom hội cùng chị T nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Mỹ T và anh Phạm Chiến C trả số tiền hội vốn góp vào của 17 lần hội còn nợ là 20.270.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, chị T trình bày: Chị thừa nhận chị có làm chủ dây hội 2.000.000 đồng, gồm 58 chung, mỗi tháng khai 01 lần, anh H tham gia 01 chung, dây hội này đình vào lần khai hội thứ 28 (ngày 15/8/2016 âm lịch) nhưng anh H chỉ đóng hội được 09 lần thì không tham gia tiếp. Sau khi anh H không tham gia tiếp thì có tham gia dây hội 5.000.000 đồng mở vào ngày 30/01/2015 (âm lịch) nên chị đã hoàn lại tổng số 09 lần hội cho anh H với số tiền 11.165.000 đồng qua 02 lần trong dây hội 5.000.000 đồng là 7.300.000 đồng. Số tiền còn lại là 3.865.000 đồng chị hoàn trả cho anh H. Do đối trừ nên chị không chấp nhận trả theo yêu cầu khởi kiện của anh H.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 20 tháng 11 năm 2017, anh Phạm Chiến C trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T, do hoàn cảnh đi lại khó khăn nên anh yêu cầu vắng mặt suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai đối với các hội viên tham gia trong cùng dây hội của anh H tham gia do chị T làm chủ gồm: Anh Phan Văn U, anh Phan Văn C, anh Lê Văn N, anh Phan Văn Đ, chị Trần Thị T, chị Nguyễn Thị H, chị Lê Thị Đ, chị Trần Thị Đ, chị Nguyễn Thị Sơn H cùng ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thì các anh chị đều xác định là ông H có tham gia hội do chị T làm chủ nhưng các bên thanh toán tiền hội như thế nào các anh chị không biết cũng như không biết anh H đóng được bao nhiêu lần hội cho chị T. Riêng anh Phan Văn Đ xác định là anh H đóng được 17 lần hội nhưng nghe anh H nói lại.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H là số tiền vốn của 09 lần hội và tính lãi theo quy định của pháp luật. Đồng thời các đương sự chịu án phí theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh H khởi kiện chị T và anh C là tranh chấp hội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời, anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với tranh chấp nêu trên, các đương sự đều thừa nhận anh H có tham gia hội 2.000.000 đồng, mở vào ngày 15/6/2014 (âm lịch) do chị T làm chủ và khai hội đến lần thứ 28 (ngày 15/8/2016 âm lịch) thì chị T đình hội. Chị N cho rằng anh H đóng được 17 lần hội nhưng chị T không thừa nhận và anh H cũng không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh. Quá trình Tòa án tiến hành xác minh các hội viên khác trong cùng dây hội đều xác định giữa anh H, chị T thanh toán hội như thế nào thì các hội viên này hoàn toàn không biết, cũng không biết anh H đóng được bao nhiêu lần hội. Trong khi đó chị T chỉ thừa nhận là anh H đóng được 09 lần hội thì không tham gia tiếp nên số tiền hội này chị đã thanh toán xong nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh cho việc chị hoàn lại số tiền hội mà anh H đã đóng. Từ đó, xác định anh H có tham gia hội, đóng được 09 lần hội và chị T chưa hoàn trả cho anh H là có căn cứ.

[3] Do đình hội và phía anh H, chị T đều có theo dõi các lần bỏ hội nhưng chị T chỉ cung cấp 09 lần thì lần thứ 09 các bên theo dõi có sự chênh lệch là 120.000 đồng. Chị T và anh H không đối chất được nên chấp nhận theo sự theo dõi của anh H. Từ đó, xác định số tiền vốn mà anh H đóng được là 11.285.000 đồng/09 lần hội. Sau khi anh H không tham gia hội tiếp thì được chị T chấp nhận nhưng chị T không trả số tiền hội vốn anh H góp hội nên số tiền vốn được tính lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Về thời gian tính lãi từ ngày tham gia hội là 15/6/2014 âm lịch tương đương ngày 11/7/2014 dương lịch nên tiền lãi được tính là số tiền vốn của từng lần đóng hội x 1,125%/01 tháng x thời gian của từng lần đóng hội đến khi xét xử sơ thẩm là 5.484.800 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, buộc chị Trần Mỹ T và anh Phạm Chiến C cùng liên đới trả số tiền hội còn nợ là 16.769.800 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H đối với số tiền hội còn lại là 3.500.200 đồng theo quy định tại các điều 471, 476 và 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 471, 476 và 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, buộc chị Trần Mỹ T và anh Phạm Chiến C cùng liên đới trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền hui còn nợ là 16.769.800 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H buộc chị Trần Mỹ T và anh Phạm Chiến C trả số tiền hui còn lại là 3.500.200 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị Trần Mỹ T và anh Phạm Chiến C cùng chịu 838.490 đồng. Anh Nguyễn Văn H chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006789 ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay đối trừ anh Nguyễn Văn H được nhận lại số tiền là 550.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Nhi